

Số: 356/HHVN-TT
V/v CBTT Báo cáo tài chính riêng
năm 2023

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính riêng (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: MVN
- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.35770825 Fax: 024.35770850
- Email: cbtt@vimc.co
- Website: vimc.co

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC riêng năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 18/03/2024 tại địa chỉ vimc.co

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2023;
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận trên BCTC riêng năm 2023 (Văn bản số 349/HHVN-TCKT ngày 18/03/2024).

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Người PTQTCT;
- Ban TCKT;
- Lưu: VT, TT. L01.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



TRƯỞNG BAN TRUYỀN THÔNG

Trần Tuấn Hải

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Thành viên
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2023

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Cảnh Tĩnh - Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát

Ông Lương Đình Minh	Trưởng ban
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban Tài chính – Kế toán
------------------	--------------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được nêu tại Thuyết minh 35.3 – Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

Số: 221/2024/UHY- BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính riêng các nội dung sau:

- Tại thuyết minh số 12: Tổng Công ty đang theo dõi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty con” (mã số 251) của Bảng Cân đối kế toán riêng với giá trị là 415,46 tỷ đồng. Đây là giá trị mà Tổng Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (Công ty Hợp Thành) theo các quy định của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu cổ phần. Đến ngày 31/12/2023, các bên vẫn đang trong quá trình trao đổi, xem xét về giá trị lợi ích hợp pháp của Công ty Hợp Thành trong giai đoạn tham gia đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
- Tại thuyết minh số 35.4: Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi sau khi có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác tại Báo cáo kiểm toán số 100223.005/BCTC.KT5 ngày 10/02/2023 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Quang Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Trịnh Thị Trang
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.511.356.461.711	2.225.462.927.550
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	480.875.972.938	149.475.735.653
Tiền	111		400.875.972.938	148.475.735.653
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	1.530.400.000.000	1.538.772.575.569
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.530.400.000.000	1.538.772.575.569
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		273.883.149.312	261.470.954.166
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	127.491.538.729	133.237.428.448
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	61.405.892.519	83.857.141.754
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	13.216.000.000	9.400.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	363.047.109.705	322.859.528.197
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(292.705.958.590)	(289.311.711.182)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	1.428.566.949	1.428.566.949
Hàng tồn kho	140	11	153.482.119.491	193.232.596.605
Hàng tồn kho	141		357.936.012.141	467.681.498.672
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(204.453.892.650)	(274.448.902.067)
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.715.219.970	82.511.065.557
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	7.463.577.609	11.981.300.419
Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.796.496.026	62.048.264.628
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	7.455.146.335	8.481.500.510
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.266.259.849.013	11.612.400.607.490
Các khoản phải thu dài hạn	210		187.599.743.783	171.776.514.856
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	153.331.321.528	153.496.821.528
Phải thu dài hạn khác	216	8	34.304.989.955	18.316.261.028
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(36.567.700)	(36.567.700)
Tài sản cố định	220		1.036.046.199.031	1.320.048.906.877
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.024.624.456.869	1.306.718.087.711
- Nguyên giá	222		6.245.913.260.678	6.216.926.244.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.221.288.803.809)	(4.910.208.157.231)
Tài sản cố định vô hình	227	14	11.421.742.162	13.330.819.166
- Nguyên giá	228		28.181.758.628	27.364.758.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.760.016.466)	(14.033.939.462)
Bất động sản đầu tư	230	15	231.505.088.170	258.190.269.835
- Nguyên giá	231		442.711.786.623	438.664.592.598
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(211.206.698.453)	(180.474.322.763)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.403.776.017	646.500.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.403.776.017	646.500.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	9.790.818.999.914	9.835.468.105.972
Đầu tư vào công ty con	251		9.681.323.395.201	9.681.323.395.201
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		403.834.081.788	403.834.081.788
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		17.179.300.748	17.179.300.748
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(311.517.777.823)	(266.868.671.765)
Tài sản dài hạn khác	260		18.886.042.098	26.270.309.950
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	18.886.042.098	26.270.309.950
TỔNG TÀI SẢN	270		13.777.616.310.724	13.837.863.535.040

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.468.719.468.851	1.839.479.188.682
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	13.061.772
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.468.719.468.851	1.839.466.126.910
Giá vốn hàng bán	11	26	1.381.064.018.128	1.254.598.465.638
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.655.450.723	584.867.661.272
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	546.597.897.046	547.995.986.447
Chi phí tài chính	22	28	88.513.606.302	255.842.075.016
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.168.826.790</i>	<i>131.183.269.938</i>
Chi phí bán hàng	25	29	20.757.680.927	15.902.592.343
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	208.663.736.470	227.055.775.938
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		316.318.324.070	634.063.204.422
Thu nhập khác	31	31	51.938.641.658	29.919.295.082
Chi phí khác	32	32	10.973.764.077	10.951.827.235
Lợi nhuận khác	40		40.964.877.581	18.967.467.847
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		357.283.201.651	653.030.672.269
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		357.283.201.651	653.030.672.269

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		357.283.201.651	653.030.672.269
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		344.539.099.272	336.124.229.979
Các khoản dự phòng	03		(21.951.655.951)	103.080.571.430
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.720.689.173)	10.330.687.832
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(510.583.305.368)	(492.647.246.866)
Chi phí lãi vay	06		21.168.826.790	131.183.269.938
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		176.735.477.221	741.102.184.582
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.584.576.590	(76.752.049.515)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		109.745.486.531	(20.944.051.805)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(91.037.847.971)	(145.464.609.442)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.901.990.662	(9.236.062.779)
Tiền lãi vay đã trả	14		(225.000.000.000)	(47.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.929.683.033	441.205.411.041
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(75.680.027.360)	(19.225.106.686)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.431.043.247
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.966.818.482.684)	(1.622.747.205.887)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.954.790.166.684	1.032.556.866.451
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		480.625.648.062	472.907.136.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		392.917.304.702	(135.077.266.314)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.812.514.027)	(680.184.037.561)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(66.812.514.027)	(680.184.037.561)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		329.034.473.708	(374.055.892.834)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	149.475.735.653	524.059.162.487
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.365.763.577	(527.534.000)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	480.875.972.938	149.475.735.653

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thanh Duyên

Trưởng ban TCKT

Lê Duy Dương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cảnh Tĩnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 250/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng chính phủ. Ngày 29/09/2006, Tổng Công ty đã chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 216/2006/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ. Đồng thời, Thủ tướng chính phủ cũng ban hành Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 25/06/2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 985/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Thực hiện đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Công ty đã tổ chức thực hiện xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2016. Ngày 08/12/2017, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 3402/QĐ-BGTVT công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Đến ngày 20/06/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 751/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Ngày 18/06/2020, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBQLV điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả chào bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu vào ngày 13/08/2020 và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/08/2020.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100104595 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội lần đầu ngày 07/07/2010. Từ ngày 18/08/2020, Tổng Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 để chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ là 12.005.880.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa, đường bộ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; hoạt động điều hành cảng biển, cảng đường thủy nội địa; hoạt động đại lý, giao nhận vận chuyển, logistics, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.3 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Do ảnh hưởng của lạm phát tăng cao ở nhiều quốc gia và cuộc xung đột Nga - Ukraine đã và đang làm tăng gánh nặng lên nền kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới khiến cho sức tiêu dùng suy giảm ảnh hưởng lớn đến thị trường vận tải biển quốc tế. Ngoài ra, nguồn cung thị trường tàu rời, tàu container tăng trưởng mạnh mẽ, giá nhiên liệu tiếp tục tăng cao trong kỳ cũng gây ảnh hưởng tới hiệu quả khai thác đội tàu của Tổng Công ty. Các yếu tố trên là nguyên nhân tác động đến kết quả kinh doanh của năm 2023 dẫn đến lợi nhuận kinh doanh trước thuế của Tổng Công ty năm 2023 chỉ đạt 357 tỷ VND, giảm 45% so với năm 2022 (năm 2022 lãi 653 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

1.6 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

Thông tin về Công ty con, Công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh 12 – phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Ngày 29/9/2023 Hội đồng quản trị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP đã ban hành Quyết định số 378/QĐ-HHVN về việc chấm dứt hoạt động Công ty Vận tải biển Container VIMC – Chi nhánh Tổng Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty có các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại Hải Phòng	Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, văn phòng
2	Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng, văn phòng
3	Công ty Vận tải biển VIMC	Hà Nội	Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường biển
4	Công ty Kho bãi VIMC Hải Phòng	Hải Phòng	Cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ hàng hải
5	Công ty Nhân lực VIMC – Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Hà Nội	
6	Ban Quản lý dự án chuyên ngành hàng hải – Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Hà Nội	Quản lý dự án

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và được tổng hợp từ báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và của Văn phòng Tổng Công ty. Các giao dịch và số dư giữa các đơn vị này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng tại Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty mẹ, giá trị hàng tồn kho (chủ yếu là nhiên liệu trên tàu) được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Đối với các tài sản cố định được ghi nhận tăng trước ngày 31/12/2016, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ VÔ HÌNH (TIẾP)**

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 – 08
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50
Phần mềm	03

3.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư được đưa vào sử dụng và ghi tăng nguyên giá trước hoặc trong ngày 31/12/2016 (thời điểm xác định giá trị cổ phần hóa), nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận Tài sản cố định vô hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ phát sinh một lần: dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần: dựa trên đánh giá tình hình thực tế, chi phí công cụ dụng cụ được phản ánh vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

Chi phí thuê nhà và chi phí bảo hiểm: Được phân bổ căn cứ thời gian trả trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.11 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Tổng Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 3.3.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

Trong giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, toàn bộ chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm chi phí lãi vay và các loại chi phí khác.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần, vốn đầu tư của chủ sở hữu được hạch toán điều chỉnh về đúng vốn điều lệ của Công ty cổ phần đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần chênh lệch giữa giá trị vốn chủ sở hữu tại ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần và vốn điều lệ của công ty cổ phần được Tổng Công ty hạch toán vào chỉ tiêu Phải trả ngắn hạn khác để nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.16 GHI NHẬN DOANH THU*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá, lãi thoái vốn tại các công ty cổ phần..., cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

3.17 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.18 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện. Báo cáo bộ phận được trình bày tại Báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kiểm toán số 28 – Báo cáo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.319.125.484	3.045.738.729
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	398.556.847.454	145.429.996.924
Các khoản tương đương tiền (*)	80.000.000.000	1.000.000.000
	480.875.972.938	149.475.735.653

(*) Là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại với kỳ hạn không quá 03 tháng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	34.774.715.693	(792.992.581)	46.202.153.635	(792.907.655)
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	594.804.860	-	2.105.570.376	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	93.020.000	-	725.760.000	-
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	134.890.470	-	134.890.470	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	28.248.778.197	-	34.485.013.594	-
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	24.089.654	-	3.683.498	-
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	4.710.287.937	-	7.795.336.659	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	107.061.950	-	113.427.685	-
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	562.351	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	1.285.373	-	13.223.362	-
- Công ty TNHH Honda Logistic Việt Nam	66.942.320	-	2.327.136	-
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	-	-	30.013.200	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	792.992.581	(792.992.581)	792.907.655	(792.907.655)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên khác	92.716.823.036	(24.294.872.882)	87.035.274.813	(23.358.822.708)
- Công ty TNHH Hapag - Lloyd	9.178.877.773	-	9.670.557.040	-
- Denmar Chartering & Trading GmbH	16.658.268.724	(16.658.268.724)	16.658.268.724	(16.658.268.724)
- Ocean Network Express Pte Ltd	12.766.067.281	-	19.917.076.304	-
- Các khách hàng khác	54.113.609.258	(7.636.604.158)	40.789.372.745	(6.700.553.984)
	127.491.538.729	(25.087.865.463)	133.237.428.448	(24.151.730.363)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Đóng tàu Bạch Đằng (*)	49.239.258.319	(49.239.258.319)	49.239.258.319	(49.239.258.319)
Centurion Bulk Pte Ltd	-	-	8.259.605.152	-
Chengxi Shipyard Co	-	-	10.970.651.180	-
Các đối tượng khác	12.166.634.200	(7.211.839.670)	15.387.627.103	(7.211.839.670)
	61.405.892.519	(56.451.097.989)	83.857.141.754	(56.451.097.989)

(*) Khoản ứng trước vượt quá giá trị quyết toán của Hợp đồng số 01/VNL-BĐ ngày 22/11/2010 ký giữa Tổng Công ty và Công ty Đóng tàu Bạch Đằng về việc đóng tàu BV-11.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	13.216.000.000	-	9.400.000.000	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	6.716.000.000	-	9.400.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang (ii)	6.500.000.000	-	-	-
Dài hạn	153.331.321.528	-	153.496.821.528	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (iii)	119.196.000.000	-	115.879.500.000	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ (i)	33.585.321.528	-	37.617.321.528	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	550.000.000	-	-	-
	166.547.321.528	-	162.896.821.528	-
Phải thu về cho vay là các bên liên quan	166.547.321.528	-	162.896.821.528	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	40.301.321.528	-	47.017.321.528	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang	6.500.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	119.196.000.000	-	115.879.500.000	-
- Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	550.000.000	-	-	-

(i) Số dư gốc và lãi vay của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được Tổng Công ty trả hộ theo Văn bản thỏa thuận đã ký ngày 30/09/2019 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ, thời hạn trả nợ đến hết năm 2027, lãi suất của kỳ tính lãi đầu tiên là 4,5%/năm, các kỳ tiếp theo sẽ được điều chỉnh lại theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức bình quân lãi suất huy động của 04 Ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank. Biện pháp đảm bảo bao gồm các tài sản đảm bảo và Quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ với giá trị dự kiến được xác định là 65.726.937.914 đồng.

(ii) Khoản cho vay Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hàng hải Hậu Giang, lãi suất 6%/năm, mục đích vay để nộp tiền sử dụng đất cho thời gian gia hạn tiến độ sử dụng đất tại Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1. Khoản vay không tài sản đảm bảo, Công ty ưu tiên sử dụng nguồn thu từ việc chuyển nhượng 21ha đất để hoàn trả khoản hỗ trợ tài chính.

(iii) Khoản cho Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA vay, trị giá nguyên tệ là 4.950.000 USD theo Hợp đồng vay cổ đông ngày 26/08/2008, tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA. Khoản cho vay được hưởng lãi suất LIBOR 6 tháng + (0,8-1,6%)/năm, được hoàn trả khi có yêu cầu của Công ty PSA Việt Nam (bên cho vay).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	363.047.109.705	(209.738.428.189)	322.859.528.197	(207.280.315.881)
Tạm ứng	5.401.509.033	-	5.907.485.045	-
Kỳ cược, ký quỹ	563.376.875	(162.556.875)	568.696.875	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	78.275.906.975	(77.066.663.975)	80.775.906.975	(75.857.420.975)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	39.009.465.756	-	15.854.174.651	-
Phải thu lãi cho vay	57.156.382.558	(7.733.305.729)	49.257.017.793	(7.753.305.729)
Phải thu thuế GTGT đầu vào của Dự án bến số 2 - Cảng Ba Ngòi (1)	12.810.751.466	-	12.810.751.466	-
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	15.042.900.975	-	6.104.009.168	-
Công ty CP Vinalines Nha Trang (2)	106.230.769.573	(101.992.278.014)	103.659.263.483	(99.013.115.846)
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	17.334.975.914	(5.601.848.023)	17.322.657.163	(5.589.529.272)
Các khoản phải thu khác	31.221.070.580	(17.181.775.573)	30.599.565.578	(19.066.944.059)
Dài hạn	34.304.989.955	(36.567.700)	18.316.261.028	(36.567.700)
Kỳ cược, ký quỹ	3.328.702.424	-	3.170.192.785	-
Lãi cho vay	10.884.963.779	-	6.691.298.735	-
Phải thu từ Công ty CP Vận tải biển Việt Nam tiền vật tư tàu (3)	20.054.756.052	-	8.418.201.808	-
Phải thu khác	36.567.700	(36.567.700)	36.567.700	(36.567.700)
	397.352.099.660	(209.774.995.889)	341.175.789.225	(207.316.883.581)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác là các bên liên quan	301.092.098.930	(197.043.158.083)	294.212.184.572	(194.840.288.081)
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	100.600.000	-	131.200.000	-
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	12.810.751.466	-	14.810.751.466	-
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	180.000.000	-	-	-
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	-	-	-	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	15.255.984.448	(2.211.389.083)	12.856.665.617	(3.000.000.000)
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	48.000.000	-	142000000	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư Cảng Cái Lân	823.841.637	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	70.726.548.706	(70.704.005.549)	79.153.845.036	(70.704.005.549)
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	174.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	6.660.000.000	(6.600.000.000)	6.635.000.000	(6.600.000.000)
- Công ty CP Vinalines Nha Trang (2)	106.230.769.573	(101.992.278.014)	103.659.260.483	(99.013.115.846)
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Việt Nam	-	-	488.000.000	-
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	2.418.486.000	-	2.394.486.000	-
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	-	-	150.000.000	-
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	-	-	-	-
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	7.369.868.635	-	4.819.085.705	-
- Công ty Cổ phần Vận tải & Thuê tàu biển Việt Nam	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	3.310.988.907	(3.310.988.907)	3.310.988.907	(3.310.988.907)
- Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	-	-	4.900.000	-
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	6.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần VTB và TM Phương Đông (OSTC)	6.661.648.507	(6.622.648.507)	6.705.648.507	(6.622.648.507)
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	1.590.141.641	-	1.670.808.308	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	49.389.493.496	-	39.830.887.380	-
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	-	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	-	-	126.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin (4)	17.334.975.914	(5.601.848.023)	17.322.657.163	(5.589.529.272)

(1) Đây là khoản thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của Dự án xây dựng bến số 2 – Cảng Ba Ngòi (Giai đoạn 1) mà Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP đã chuyển giao tài sản cho Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

- (2) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang mà Tổng Công ty đã trả hộ gốc vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam để đóng tàu Âu Cơ 1; khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng để đóng mới tàu Âu Cơ 1 và tàu Hoa Lư, lãi phát sinh tương ứng.
- (3) Phải thu tiền nhiên liệu, dầu nhớt, vật tư tàu là giá trị lượng vật tư chưa tiêu hao còn tồn trên tàu theo Hợp đồng cho thuê tàu giữa Công ty Vận tải biển VIMC – đơn vị trực thuộc Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, sẽ được quyết toán khi bàn giao thanh lý Hợp đồng.
- (4) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinasin bao gồm tiền BHXH, BHYT, BHYTN được Tổng Công ty trả hộ và khoản tiền mà Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinasin nhận nợ từ Quỹ hỗ trợ sáp nhập doanh nghiệp Trung ương được chuyển sang ghi tăng vốn Nhà nước tại Tổng Công ty. Tổng Công ty sẽ thực hiện thu hồi khoản phải thu này thông qua bù trừ với tiền thanh lý tàu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinasin đang phân ánh trên chi tiêu “Phải trả ngắn hạn khác”.

9. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023		Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Giá trị trích lập dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị trích lập dự phòng VND		
Ngắn hạn	304.621.684.486	(292.705.958.590)	11.915.725.896	293.287.822.833	(289.311.711.182)	3.976.111.651
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Bạch Đằng	49.239.258.319	(49.239.258.319)	-	49.239.258.319	(49.239.258.319)	-
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	70.704.005.549	(70.704.005.549)	-	70.704.005.549	(70.704.005.549)	-
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	104.941.493.917	(101.992.278.014)	2.949.215.903	102.362.939.604	(99.013.115.846)	3.349.823.758
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	6.622.648.507	(6.622.648.507)	-	6.642.648.507	(6.642.648.507)	-
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	6.600.000.000	(6.600.000.000)	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)	-
- Denmar Chartering & Trading Gmbh	16.658.268.724	(16.658.268.724)	-	16.658.268.724	(16.658.268.724)	-
- Các đối tượng khác	49.856.009.470	(40.889.499.477)	8.966.509.993	41.080.702.130	(40.454.414.237)	626.287.893
Dài hạn	36.567.700	(36.567.700)	-	36.567.700	(36.567.700)	-
- Các đối tượng khác	36.567.700	(36.567.700)	-	36.567.700	(36.567.700)	-
	304.658.252.186	(292.742.526.290)	11.915.725.896	293.324.390.533	(289.348.278.882)	3.976.111.651

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đảo Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Thắt thoát dầu Tàu VNL Trader	534.955.789	(534.955.789)	534.955.789	(534.955.789)
- Thắt thoát dầu Tàu VNL Ocean	893.611.160	(893.611.160)	893.611.160	(893.611.160)
	1.428.566.949	(1.428.566.949)	1.428.566.949	(1.428.566.949)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	141.797.196.285	-	144.534.011.542	-
- Công cụ, dụng cụ	321.366.323	-	333.303.163	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.850.530.301	-	5.890.158.165	-
- Hàng hóa (*)	210.966.919.232	(204.453.892.650)	316.924.025.802	(274.448.902.067)
	357.936.012.141	(204.453.892.650)	467.681.498.672	(274.448.902.067)

(*) Hàng hóa bao gồm 02 máy tàu 47.500 DWT (HB-02/03) được đóng tại Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long với giá trị 210.469.590.800 đồng. Dự án này đã được dừng triển khai theo Nghị quyết số 513/NQ-HĐTV ngày 06/03/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty. 02 máy tàu này đã được Tổng Công ty sử dụng để thế chấp cho Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Đông Bắc theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2019/HĐTCTS-NHPT ngày 29/08/2019. Tại thời điểm 31/12/2023, Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với 02 máy tàu này với số tiền 204.453.892.650 đồng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Ngắn hạn	1.530.400.000.000	1.530.400.000.000	-	1.538.772.575.569	1.538.772.575.569	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.530.400.000.000	1.530.400.000.000	-	1.538.772.575.569	1.538.772.575.569	-
	1.530.400.000.000	1.530.400.000.000	-	1.538.772.575.569	1.538.772.575.569	-

(*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng các Ngân hàng Thương mại.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2023		01/01/2023		Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết %	Giá gốc (i) VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
	Giá gốc (i)	Dự phòng	Giá gốc (i)	Dự phòng					
	VND	VND	VND	VND					
Đầu tư vào công ty con	9.681.323.395.201	(192.877.799.191)	9.681.323.395.201	(151.456.679.823)					
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	166.306.435.800	-	166.306.435.800	-		51,05%			51,05%
- Công ty CP Phát triển Hàng hải	59.670.000.000	-	59.670.000.000	-		51,00%			51,00%
- Công ty CP Vận tải biển Việt Nam	75.684.000.000	-	75.684.000.000	-		51,00%			51,00%
- Công ty CP VIMC Logistics	47.563.558.000	-	47.563.558.000	-		56,72%			56,72%
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	582.796.641.000	-	582.796.641.000	-		80,90%			80,90%
- Công ty CP Vận tải biển Vinaship	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-		51,00%			51,00%
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	4.781.733.756.600	-	4.781.733.756.600	-		92,56%			92,56%
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	125.101.000.800	-	125.101.000.800	-		51,00%			51,00%
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	1.132.519.248.000	-	1.132.519.248.000	-		65,45%			65,45%
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	1.435.500.000.000	-	1.435.500.000.000	-		75,00%			75,00%
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	31.459.005.992	(16.608.659.372)	31.459.005.992	(12.324.323.056)		60,00%			60,00%
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	38.073.259.493	(17.040.247.499)	38.073.259.493	(19.858.271.661)		56,00%			56,00%
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	-	-	-		100,00%			100,00%
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	124.763.766.837	(59.506.818.715)	124.763.766.837	(37.705.562.632)		51,00%			51,00%
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	-	-	-		56,58%			56,58%
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ hàng hải Hậu Giang	395.301.093.431	(99.722.073.605)	395.301.093.431	(81.568.522.474)		100,00%			100,00%
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	259.192.479.128	-	259.192.479.128	-		99,01%			99,01%
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	-	-	-	-		91,79%			91,79%
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn (ii)	415.459.150.120	-	415.459.150.120	-		75,01%			75,01%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - C.T.C.P

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2023		01/01/2023		Tỷ lệ quyền biểu quyết %
	Giá gốc (i) VND	Dự phòng VND	Giá gốc (i) VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	403.834.081.788	(117.535.195.342)	403.834.081.788	(114.307.208.652)	
- Công ty CP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	35.865.600.000	(35.865.600.000)	35.865.600.000	(35.865.600.000)	47,44%
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	39.266.565.460	-	39.266.565.460	-	50,00%
- Công ty LD Dịch vụ Container quốc tế cảng SG-SSA	55.886.479.724	-	55.886.479.724	-	50,00%
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	-	-	-	-	50,00%
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	169.387.500.000	(55.327.559.522)	169.387.500.000	(52.099.572.832)	50,00%
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô	-	-	-	-	49,14%
- Công ty CP Cảng Năm Căn	3.131.513.820	(3.131.513.820)	3.131.513.820	(3.131.513.820)	49,35%
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	20.846.179.892	-	20.846.179.892	-	49,00%
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	11.993.146.000	(11.993.146.000)	11.993.146.000	(11.993.146.000)	48,97%
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại Hàng hải	25.344.000.000	-	25.344.000.000	-	33,49%
- Công ty CP Vận tải biển Hải Âu	-	-	-	-	26,46%
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	30.895.720.892	-	30.895.720.892	-	49,00%
- Công ty CP Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	7.286.400.000	(7.286.400.000)	7.286.400.000	(7.286.400.000)	36,00%
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Phương Đông	3.930.976.000	(3.930.976.000)	3.930.976.000	(3.930.976.000)	49,00%

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc (i) VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết %	Giá gốc (i) VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ biểu quyết %
Đầu tư vào đơn vị khác	17.179.300.748	(1.104.783.290)		17.179.300.748	(1.104.783.290)	
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	4.431.254.923	-	10,15%	4.431.254.923	-	10,15%
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	11.643.115.357	-	12,92%	11.643.115.357	-	12,92%
- Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	147.178	-	0,00002%	147.178	-	0,00002%
- Công ty Liên doanh Gemasa Corporation	1.104.783.290	(1.104.783.290)		1.104.783.290	(1.104.783.290)	
	10.102.336.777.737	(311.517.777.823)		10.102.336.777.737	(266.868.671.765)	

(i) Đối với các khoản đầu tư Tổng Công ty sở hữu trước thời điểm 31/12/2016 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa), giá trị khoản đầu tư được ghi nhận căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố.

(ii) Tháng 9/2015, Tổng Công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (“Hợp Thành”). Ngày 27/05/2019, thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ về công tác Cổ phần hóa tại Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (“QNP”), ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng thường trực Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 01/2019/VNLT-HT/CGCP với Hợp Thành về việc nhận chuyển giao quyền sở hữu cổ phần QNP. Ngày 29/05/2019, việc chuyển giao quyền sở hữu 30.312.262 cổ phần tương đương 75,01% vốn điều lệ QNP cho Tổng Công ty đã được thực hiện thông qua Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo hợp đồng, tổng giá trị chuyển giao bao gồm (1) Số tiền chuyển giao và (2) Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư. Trong đó:

- Số tiền chuyển giao (1) là 415.156.027.500 VND. Số tiền này đã được Tổng Công ty chuyển trả cho Hợp Thành vào ngày 27/05/2019 và tạm ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào QNP vào ngày được chuyển giao quyền sở hữu.

- Lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư (2) là giá trị lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Giá trị này hai bên thống nhất do Hợp Thành đưa ra cơ sở phương pháp xác định gửi Tổng Công ty xem xét cho ý kiến và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đến thời điểm 31/12/2023, các bên vẫn chưa xác định được giá trị (2) lợi ích hợp pháp mà Hợp Thành được hưởng trong giai đoạn tham gia đầu tư, quản lý và điều hành. Vì vậy, Tổng Công ty chưa thanh toán khoản này cho Hợp Thành đồng thời chưa ghi nhận vào giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2023	245.659.183.693	40.204.723.882	5.919.223.061.277	11.599.221.090	240.055.000	6.216.926.244.942
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	599.801.024	-	-	-	-	599.801.024
- Mua mới trong kỳ	-	883.954.016	12.182.830.696	235.271.818	-	13.302.056.530
- Tăng do quyết toán giá trị tài sản	-	-	17.698.899.092	-	-	17.698.899.092
- Phân loại sang Bất động sản đầu tư	-	(2.087.840.910)	-	(525.900.000)	-	(2.613.740.910)
31/12/2023	246.258.984.717	39.000.836.988	5.949.104.791.065	11.308.592.908	240.055.000	6.245.913.260.678
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2023	(124.303.854.898)	(18.859.958.042)	(4.757.027.717.558)	(9.835.946.893)	(180.679.840)	(4.910.208.157.231)
- Khấu hao trong kỳ	(13.701.292.390)	(4.208.421.045)	(294.014.644.817)	(239.825.704)	(30.256.932)	(312.194.440.888)
- Tăng/Giảm khác	-	766.013.948	-	347.780.362	-	1.113.794.310
31/12/2023	(138.005.147.288)	(22.302.365.139)	(5.051.042.362.375)	(9.727.992.235)	(210.936.772)	(5.221.288.803.809)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2023	121.355.328.795	21.344.765.840	1.162.195.343.719	1.763.274.197	59.375.160	1.306.718.087.711
31/12/2023	108.253.837.429	16.698.471.849	898.062.428.690	1.580.600.673	29.118.228	1.024.624.456.869

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 357.621.120.096 đồng (tại ngày 31/12/2022 là: 321.422.658.480 đồng).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2023 là: 275.082.500.001 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 331.319.359.620 đồng).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền, bằng sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2023	397.725.529	351.898.800	26.615.134.299	27.364.758.628
- Mua trong năm	-	-	817.000.000	817.000.000
31/12/2023	<u>397.725.529</u>	<u>351.898.800</u>	<u>27.432.134.299</u>	<u>28.181.758.628</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2023	(397.725.529)	(351.898.800)	(13.284.315.133)	(14.033.939.462)
- Khấu hao trong kỳ	-	-	(2.726.077.004)	(2.726.077.004)
31/12/2023	<u>(397.725.529)</u>	<u>(351.898.800)</u>	<u>(16.010.392.137)</u>	<u>(16.760.016.466)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2023	-	-	13.330.819.166	13.330.819.166
31/12/2023	-	-	<u>11.421.742.162</u>	<u>11.421.742.162</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 7.204.664.169 đồng (tại ngày 31/12/2022 là: 6.516.031.069 đồng).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2023 <u>VND</u>	Tăng trong năm <u>VND</u>	Giảm trong năm <u>VND</u>	31/12/2023 <u>VND</u>
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	438.664.592.598	4.047.194.025	-	442.711.786.623
- Nhà cửa	438.664.592.598	4.047.194.025	-	442.711.786.623
HAO MÒN LŨY KẾ	(180.474.322.763)	(30.732.375.690)	-	(211.206.698.453)
- Nhà cửa	(180.474.322.763)	(30.732.375.690)	-	(211.206.698.453)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	258.190.269.835	-	(26.685.181.665)	231.505.088.170
- Nhà cửa	258.190.269.835	-	(26.685.181.665)	231.505.088.170

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty phản ánh giá trị tòa nhà Trung tâm Thông tin thương mại Hàng hải quốc tế Hà Nội tại số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội và giá trị tòa nhà Vimadeco Building tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh đang sử dụng để cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	7.463.577.609	11.981.300.419
- Phí bảo hiểm	6.202.726.141	6.173.371.556
- Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	30.128.788	4.637.253.193
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	457.792.885	334.378.320
- Các khoản khác	772.929.795	836.297.350
Dài hạn	18.886.042.098	26.270.309.950
- Chi phí thuê đất	16.176.816.435	16.431.169.239
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	2.171.742.782	9.369.177.123
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	323.823.480	170.087.823
- Chi phí trả trước dài hạn khác	213.659.401	299.875.765
	26.349.619.707	38.251.610.369

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	25.913.429.807	25.913.429.807	34.550.973.086	34.550.973.086
Công ty CP Cảng Sài Gòn	6.455.987.545	6.455.987.545	5.234.505.070	5.234.505.070
Công ty CP Cảng Hải Phòng	81.474.391	81.474.391	1.486.980.881	1.486.980.881
Công ty CP Cảng Đà Nẵng	1.820.343.856	1.820.343.856	1.863.655.974	1.863.655.974
Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	34.781.773	34.781.773	-	-
Công ty CP Cảng Cần Thơ	420.829.870	420.829.870	-	-
Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ	2.009.410.801	2.009.410.801	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	13.600.000	13.600.000	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	2.766.657.933	2.766.657.933	2.424.045.910	2.424.045.910
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	1.739.374.695	1.739.374.695	-	-
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	156.764.859	156.764.859	-	-
Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	9.472.126.452	9.472.126.452	23.528.895.451	23.528.895.451
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô	529.416.000	529.416.000	-	-
Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	88.128.000	88.128.000	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	60.561.000	60.561.000	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	224.752.000	224.752.000	-	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (CMIT)	39.220.632	39.220.632	12.889.800	12.889.800
Phải trả người bán khác	94.744.092.411	94.744.092.411	160.466.866.146	160.466.866.146
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	32.067.142.734	32.067.142.734	78.877.193.376	78.877.193.376
Các nhà cung cấp khác	62.676.949.677	62.676.949.677	81.589.672.770	81.589.672.770
Cộng	120.657.522.218	120.657.522.218	195.017.839.232	195.017.839.232

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	555.973.222	6.324.687.787	6.135.133.406	745.527.603
- Thuế thu nhập cá nhân	212.100.587	6.862.828.309	6.922.828.000	152.100.896
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	633.338.800	11.972.810.778	12.606.149.578	-
- Các loại thuế khác	7.000.000	8.657.616	15.657.616	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.698.162.219	7.000.000	18.705.162.219	-
	20.106.574.828	25.175.984.490	44.384.930.819	897.628.499
	01/01/2023	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu/bù trừ trong kỳ	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	65.980.504	81.791.254	81.791.254	65.980.504
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.111.282.260	-	-	7.111.282.260
- Thuế thu nhập cá nhân	304.237.746	-	26.354.175	277.883.571
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	8.481.500.510	81.791.254	1.108.145.429	7.455.146.335

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lynux Shipping Bulk Pte Ltd.	281.551.622	-
Al Farqad General Trading LLC	-	1.044.740.380
Asean Seas Line Co.,Ltd	-	2.445.042.875
Philfirst Global Marketing Inc	-	9.456.166.250
Glory Shipping Marine Co.,Ltd	-	2.339.897.189
Các đối tượng khác	2.655.209.878	3.581.491.698
	2.936.761.500	18.867.338.392
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	631.281.518	2.222.479.147
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	383.654.800	767.309.600
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	247.626.718	890.486.162
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	-	486.683.385
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	-	78.000.000

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	23.767.395.200	38.885.262.915
- Chi phí sửa chữa tàu	6.506.366.832	33.570.143.631
- Phải trả về sự cố trên tàu	3.659.006.045	2.117.163.155
- Chi phí phải trả khác	13.602.022.323	3.197.956.129
	23.767.395.200	38.885.262.915

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***21. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	1.011.976.213.604	1.238.874.336.364
Kinh phí công đoàn	3.624.234.861	2.737.924.902
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.320.730.375	4.215.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.007.031.248.368	1.231.921.411.462
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (*)	27.285.346.321	26.541.745.482
- Phải trả tiền lãi vay	969.887.946.555	1.195.959.434.063
- Phải trả tiền thuế TNCN của nhân viên	2.435.874.424	2.256.519.590
- Phải trả, phải nộp khác	7.422.081.068	7.163.712.327
Dài hạn	40.679.522.638	24.074.134.696
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	40.679.522.638	24.074.134.696
	1.052.655.736.242	1.262.948.471.060
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	27.369.346.321	26.770.545.482
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	-	8.000.000
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	-	16.000.000
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn	-	26.000.000
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	15.200.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	8.000.000
- Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân	-	6.400.000
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	-	40.000.000
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	60.000.000	60.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải (CMB)	12.000.000	6.000.000
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	12.000.000	12.000.000
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	-	14.200.000
- Công ty CP Vận tải & thuê tàu biển Việt Nam	-	17.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	27.285.346.321	26.541.745.482
Phải trả dài hạn khác là các bên liên quan	22.054.062.951	9.906.004.145
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	21.285.058.806	9.137.000.000
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	357.798.600	357.798.600
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	58.416.540	58.416.540
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	105.012.600	105.012.600
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistics Việt Nam	73.888.200	73.888.200
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	42.864.000	42.864.000
- Công ty Cổ phần phát triển Hàng hải	131.024.205	131.024.205

(*) Là khoản tiền thu được từ bán thanh lý các tàu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin trước đây với giá trị là 1.074.714,26 USD được chuyển về các tài khoản ngân hàng của Tổng Công ty nhằm mục đích thanh toán các khoản nợ mà Tổng Công ty đã đứng ra trả hộ. Khi được giải ngân từng phần, Tổng Công ty sẽ thực hiện bù trừ tiền thanh lý tàu nên trên với công nợ phải thu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (được trình bày tại chi tiêu “Phải thu khác” – Thuyết minh số 8).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	240.671.555.973	240.671.555.973	-	66.812.514.027	-	307.484.070.000
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>240.671.555.973</i>	<i>240.671.555.973</i>	-	-	-	<i>307.484.070.000</i>
- Ngân hàng phát triển Việt Nam (1)	240.671.555.973	240.671.555.973	-	66.812.514.027	-	307.484.070.000
Vay dài hạn	120.879.000.000	120.879.000.000	-	-	3.415.500.000	117.463.500.000
- PSA Viet Nam Pte.,Ltd (2)	120.879.000.000	120.879.000.000	-	-	3.415.500.000	117.463.500.000
	361.550.555.973	361.550.555.973	-	66.812.514.027	3.415.500.000	424.947.570.000

- (1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng vay phục vụ cho mục đích đầu tư các dự án đóng tàu. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành bằng nguồn vốn vay. Lãi suất vay được quy định cụ thể theo từng hợp đồng. Toàn bộ các hợp đồng vay này đều đã được cơ cấu lại nợ gốc.
- (2) Khoản vay PSA Việt Nam để cho Liên danh SP-PSA vay lại theo hợp đồng vay có đồng ngày 26/08/2008, tổng giá trị khoản vay của các cổ đông cho Liên danh SP-PSA vay là 33.000.000 USD bao gồm: Đợt A có giá trị là 28.196.202,53 USD và Đợt B có giá trị là 4.803.797,47 USD, trong đó tỷ lệ cổ phần đối với Tổng Công ty là 15% tương ứng số gốc vay 4.950.000 USD. Mục đích vay của Liên danh chi được áp dụng cho các chi phí dự án. Lãi suất áp dụng được tính căn cứ lãi suất Libor. Căn cứ theo hợp đồng phụ, toàn bộ các khoản nợ mà Liên danh và các cổ đông không ứng trước còn nợ sẽ được Liên danh hoàn trả ngay khi có yêu cầu của các Cổ đông hay các Cổ đông ứng trước. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay vốn cổ đông thì toàn bộ cổ tức và các khoản phân chia khác (nếu có) theo Hợp đồng liên doanh hay Điều lệ sẽ được ưu tiên để trả gốc vay (và lãi lũy kế) cho đến khi thanh toán hết khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2022	12.005.880.000.000	(870.062.895.314)	11.135.817.104.686
- Lãi trong năm		653.030.672.269	653.030.672.269
31/12/2022	12.005.880.000.000	(217.032.223.045)	11.788.847.776.955
01/01/2023	12.005.880.000.000	(217.032.223.045)	11.788.847.776.955
- Lãi trong năm	-	357.283.201.651	357.283.201.651
31/12/2023	12.005.880.000.000	140.250.978.606	12.146.130.978.606

23.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	11.942.133.000.000	99,47%	11.942.133.000.000	99,47%
Vốn góp của cổ đông khác	63.747.000.000	0,53%	63.747.000.000	0,53%
	12.005.880.000.000	100,00%	12.005.880.000.000	100,00%

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	12.005.880.000.000	12.005.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	22.017.721.772	22.017.721.772
Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu Toàn Cầu	3.846.155.590	3.846.155.590
Công ty TNHH Thương mại vận tải Dương Hoàng Thịnh	2.940.349.810	2.940.349.810
DNTN thương mại dịch vụ Nhật An	1.393.800.000	1.393.800.000
Bạch Việt Phương	2.548.102.000	2.548.102.000
Các đối tượng khác	11.289.314.372	11.289.314.372
Ngoại tệ các loại		
USD	15.258.265,76	1.500.008,20
EUR	-	0,98

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	42.231.372.024	4.062.244.327
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.426.488.096.827	1.835.416.944.355
+ Doanh thu vận tải	1.278.891.273.808	1.700.087.599.986
+ Doanh thu dịch vụ hàng hải	12.295.883.141	32.667.459.419
+ Dịch vụ khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	125.481.121.372	93.629.854.994
+ Dịch vụ khác	9.819.818.506	9.032.029.956
	1.468.719.468.851	1.839.479.188.682

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.875.720.597	3.930.591.419
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.340.633.995.681	1.266.165.625.723
- Giá vốn dịch vụ vận tải	1.228.037.345.058	1.162.379.507.776
- Giá vốn dịch vụ hàng hải	11.770.917.719	33.406.862.350
- Giá vốn khai thác tòa nhà cho thuê văn phòng, kho bãi	93.367.787.659	66.049.861.287
- Giá vốn dịch vụ khác	7.457.945.245	4.329.394.310
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.445.698.150)	(15.497.751.504)
	1.381.064.018.128	1.254.598.465.638

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.489.969.278	41.995.057.811
Cổ tức, lợi nhuận được chia	417.093.336.090	449.789.833.920
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	20.835.410.024	55.851.738.174
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	14.655.408.246	17.784.202
Các doanh thu tài chính khác	523.773.408	341.572.340
	546.597.897.046	547.995.986.447

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	21.168.826.790	131.183.269.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kì	21.134.257.031	18.634.146.451
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kì	934.719.073	10.348.472.934
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	44.649.106.058	94.335.577.986
Chi phí hoạt động tài chính khác	626.697.350	1.340.607.707
	88.513.606.302	255.842.075.016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***29. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.251.521.655	12.626.394.667
Chi phí khác bằng tiền	4.506.159.272	3.276.197.676
	20.757.680.927	15.902.592.343

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.269.059.900	1.450.920.966
Chi phí nhân công	128.385.933.095	128.901.909.368
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.842.368.046	1.847.593.398
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	12.493.690.400	14.432.418.687
Thuế, phí và lệ phí	8.471.009.330	8.175.693.220
Chi phí dự phòng	3.394.247.409	24.244.007.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.972.286.262	17.428.907.156
Chi phí bằng tiền khác	35.835.142.028	30.574.325.394
	208.663.736.470	227.055.775.938

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	305.503.840	862.355.135
Tiền phạt thu được	758.154.546	480.280.217
Tiền thuê đất được giảm	2.421.851.700	1.295.136.216
Thù lao từ đại diện vốn góp	7.226.040.914	6.423.864.419
Thu từ phí đào tạo nhân sự và tiếp xúc thị trường	5.474.248.812	13.578.205.303
Thu nhập từ bồi thường	3.313.610.457	-
Thu nhập từ miễn giảm lãi vay	27.647.524.728	-
Các khoản khác	4.791.706.661	7.279.453.792
	51.938.641.658	29.919.295.082

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***32. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi thù lao người đại diện vốn không chuyên trách	7.338.691.429	7.324.882.920
Chi tài trợ ủng hộ	2.610.000.000	2.435.000.000
Chi đền bù vỏ container	684.909.091	
Tiền phạt, truy thu tiền thuế, phạt hành chính	165.530.940	2.860.020
Các khoản khác	174.632.617	1.189.084.295
	10.973.764.077	10.951.827.235

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	357.283.201.651	653.030.672.269
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.065.234.426	462.984.975
- Khấu hao TSCĐ là xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ	155.793.072	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.271.223.187	-
- Các khoản tiền phạt và chi phí không được trừ	2.638.218.167	462.984.975
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	417.093.336.090	449.789.833.920
- Cổ tức lợi nhuận được chia	417.093.336.090	449.789.833.920
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(55.744.900.013)	203.703.823.324
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(203.703.823.324)
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	331.714.303.348	268.701.197.621
Chi phí nhân công	265.330.328.302	282.617.869.337
Chi phí công cụ dụng cụ	2.771.218.237	3.380.244.722
Chi phí vận chuyển	-	
Chi phí Khấu hao Tài sản cố định	344.539.099.272	336.124.229.979
Thuế, phí và lệ phí	8.464.285.193	13.822.420.464
Chi phí dự phòng	1.937.638.706	39.741.759.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	537.832.066.329	532.560.198.408
Chi phí khác bằng tiền	80.290.356.746	49.613.944.516
	1.572.879.296.133	1.526.561.864.300

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***35. THÔNG TIN KHÁC****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)**

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	71.836.562	4.625.008.929
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	Công ty con	190.545.455	-
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	13.123.431.662	22.870.065.600
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	1.434.574.382	619.066.800
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	4.547.359.090	3.625.702.636
- Công ty CP Cảng VIMC	Công ty con	1.672.790.041	7.200.000
Đình Vũ			
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con	176.633.922.946	110.102.541.084
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Công ty con	1.766.926.290	1.137.635.364
- Công ty CP Vinalines Nha Trang	Công ty con	45.890.589	47.925.083
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	1.430.306.537	1.202.417.975
- Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Việt Nam	Công ty con	460.608.575	469.464.196
- Công ty Cổ phần VIMC Logistics	Công ty con	7.717.723.382	17.394.142.893
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	Công ty con	340.627.102	335.848.649
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	Công ty con	11.657.073.166	28.437.452.746
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	3.438.465.741	3.296.475.944
- Công ty Cổ phần đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty con	-	8.953.196.374
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	264.450.723	5.953.153.580
- Công ty Cổ phần VTB & hợp tác lao động quốc tế	Công ty liên kết	166.998.948	166.708.078
- Công ty TNHH Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	496.219.491	475.784.343
- Công ty TNHH Vinalines Honda Logistic Việt Nam	Công ty liên kết	1.920.193.522	-
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	Công ty con	-	619.561.271
- Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	Công ty nhận đầu tư của TCT	442.581.830	2.009.489.594
		227.822.526.034	212.348.841.139

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCPSố 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,
Quận Đống Đa, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)*

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác từ bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	4.689.697.875	4.625.008.929
- Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Công ty con	748.946.943	8.953.196.374
		5.438.644.818	13.578.205.303
Mua hàng với bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	14.096.323.812	6.275.065.239
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	2.596.838.408	11.980.731.036
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	10.298.894.664	4.504.134.486
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con	15.088.435	-
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	1.949.279.445	412.876.926
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	Công ty con	586.846.826	1.625.192.607
- Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Công ty con	9.740.462.856	6.375.998.946
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	Công ty con	570.667.803	-
- Công ty TNHH một thành viên Vận tải biển Đông	Công ty con	1.211.743.707	10.712.450.297
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	544.993.116	544.993.116
- Công ty CP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	Công ty con	-	-
- Công ty TNHH Khai thác Container Việt nam	Công ty con	273.855.933	-
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	4.660.375.747	-
- Công ty CP VIMC Logistic	Công ty con	-	259.739.796
- Công ty CP Hàng hải Đông Đô	Công ty liên kết	8.975.233.330	-
- Công ty CP Tiếp vận Biển Đông	Công ty liên kết	-	-
- Công ty CP Cảng Vinalines Đình Vũ	Công ty liên kết	6.728.995.409	-
- Công ty LD DV container quốc tế cảng SG SSA	Công ty liên kết	31.500.000	622.603.200
- Công ty CP Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết	27.200.000	-
		62.308.299.491	43.313.785.649

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP

Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai,

Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)**

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi cho vay bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Cần Thơ	Công ty con	2.520.840.360	2.355.672.619
- Công ty TNHH một thành viên DVHH Hậu Giang	Công ty con	331.499.999	-
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	Công ty liên kết	8.300.547.775	3.589.099.418
		11.152.888.134	5.944.772.037
Thu nhập từ cổ tức với bên liên quan			
- Công ty CP Cảng Cam Ranh	Công ty con	10.902.658.250	23.787.618.000
- Công ty CP Cảng Sài Gòn	Công ty con	84.938.943.600	84.938.943.600
- Công ty CP Cảng Hải Phòng	Công ty con	121.056.550.800	121.056.550.800
- Công ty CP Cảng Đà Nẵng	Công ty con	111.375.000.000	111.375.000.000
- Công ty CP Phát triển Hàng	Công ty con	4.590.000.000	3.672.000.000
- Công ty CP Cảng Nghệ Tĩnh	Công ty con	6.255.050.040	6.035.574.600
- Công ty CP Đại lý Hàng hải Việt Nam	Công ty con	17.992.095.000	17.992.095.000
- Công ty CP VIMC Logistics	Công ty con	-	2.418.486.000
- Công ty CP Cảng Quy Nhơn	Công ty con	36.374.714.400	60.624.524.000
- Công ty CP Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải	Công ty liên kết	7.063.056.000	6.527.440.920
- Công ty LD Vận tải quốc tế Nhật Việt	Công ty liên kết	4.000.000.000	5.500.000.000
- Công ty CP Cảng Khuyến Lương	Công ty liên kết	3.975.468.000	2.981.601.000
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Công ty liên kết	3.456.000.000	2.898.000.000
- Công ty CP Vận tải biển Hải âu	Công ty liên kết	4.895.100.000	-
- Công ty CP Hàng hải Sài Gòn	Đầu tư khác	218.700.000	-
		417.093.336.090	449.807.833.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.1 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)**

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh bên trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Anh Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.305.463.296	1.005.848.804
Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.435.076.670	1.030.641.601
Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT	1.090.282.922	1.010.112.498
Ông Nguyễn Đình Chung	Thành viên HĐQT	1.036.082.291	1.001.472.516
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	1.018.900.419	963.648.452
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	987.087.356	967.696.527
Ông Lê Quang Trung	Phó Tổng giám đốc	1.010.387.356	1.137.808.127
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2023)	72.512.320	-
Ông Lương Đình Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	999.717.917	1.051.723.581
Bà Phan Thị Nhị Hà	Kiểm soát viên	745.057.792	893.825.454
Ông Phạm Cao Nhuệ	Kiểm soát viên	682.057.792	731.601.389

35.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- (1) Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc và kinh doanh cho thuê văn phòng từ ngày 15/06/1998 đến 25/06/2048. Diện tích khu đất thuê là 6.851,0 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- (2) Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 163 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng làm việc và kinh doanh cho thuê từ 19/06/2002 đến 19/06/2052. Diện tích khu đất thuê là 330,0 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty đã trả tiền thuê đất một lần cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.2 CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT (TIẾP)**

(3) Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại một số địa điểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Mục đích	Hình thức thuê đất	Thời hạn thuê đất
1	Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	161.745,0	Trung tâm trung chuyên hàng hóa	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	40 năm (từ 24/02/2004 đến 24/01/2044)
2	Số 282 Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	8.310,1	Kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê	Thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm	50 năm (từ 25/07/1994 đến 25/07/2044)
3	11B Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	112,0	Văn phòng làm việc	Thuê đất, trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê	50 năm (từ 15/10/1993 đến 15/10/2043)
Tổng cộng		170.176,1			

35.3 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 08/01/2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua Nghị quyết số 07/NQ-HHVN về việc phê duyệt chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP (VIMC) tại Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam (Vinabrigde) – Công ty con của Tổng Công ty với nội dung chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần Tổng Công ty đang sở hữu tại Vinabrigde, tỷ lệ nắm giữ sau chuyển nhượng là 0%.

Ngày 02/02/2024, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thông qua Quyết định số 40/QĐ-HHVN về việc phê duyệt đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần Vận tải container VIMC (VIMC Lines) với các nội dung: Giá trị vốn góp 1.014.550.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 99,956% vốn điều lệ của VIMC Lines, hình thức góp vốn bằng tiền và tài sản, thời điểm góp vốn: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày VIMC Lines được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ngày 07/02/2024, Tổng Công ty đã thông báo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)” – Công ty liên kết của Tổng Công ty theo Thông báo số 209/TB-HHVN ngày 07/02/2024. Theo đó, toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Sesco đã được chuyển nhượng cho 02 nhà đầu tư trong nước, tỷ lệ nắm giữ sau chuyển nhượng là 0%.

35.4 THÔNG TIN KHÁC

Theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, Tổng Công ty phải thực hiện quyết toán thuế, các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với Cơ quan thuế và đề nghị Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, quyết toán tiền thu về cổ phần hóa, chi trả chế độ lao động dôi dư, chi phí cổ phần hóa. Tổng Công ty đã hoàn thành việc quyết toán thuế. Đối với các nội dung còn lại, Tổng Công ty đã hoàn thành hồ sơ và đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, do vậy số liệu trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo có thể thay đổi sau khi có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền.

**TỔNG CÔNG TY
HÀNG HẢI VIỆT NAM – CTCP**

Số: 349/HHVN-TCKT
V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận
trên BCTC riêng năm 2023
đã kiểm toán

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP
- Mã chứng khoán: MVN
- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 024 35770825 Fax: 024 35770850
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023 sau kiểm toán (VND)	Năm 2022 sau kiểm toán (VND)	Chênh lệch (VND)
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) – (2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	357.283.201.651	653.030.672.269	(295.747.470.618)

Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: giảm 497 tỷ đồng
- Lợi nhuận tài chính: tăng 166 tỷ đồng
- Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp: giảm 13 tỷ đồng
- Lợi nhuận khác: tăng 22 tỷ đồng

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TT;
- Lưu: VT, TGD, TCKT, D3.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Cảnh Tình